

# VÀI NÉT VỀ TẢ THIẾU GIÁM, TRỤ QUỐC THƯỢNG HẦU ĐẶNG TIẾN HUỆ

NGUYỄN QUANG HÀ\*

**Tóm tắt:** Từ trước đến nay chưa có một nghiên cứu đầy đủ về hành trạng, sự nghiệp của nhân vật Đặng Tiến Huệ. Bằng các nguồn tư liệu lưu trữ cũng như khảo sát thực địa, bài viết trình bày những đóng góp của Đặng Tiến Huệ với triều đình Lê-Trịnh và làng Mai Thượng. Đặng Tiến Huệ nhiều lần được triều đình thưởng công, được ban tước và làm việc ở Viện Cơ mật, phụ trách Binh thuyền của triều đình... Ông còn có công xây dựng, trùng tu nhiều di tích, công trình tín ngưỡng tâm linh ở thôn Mai Thượng.

**Từ Khóa:** Đặng Tiến Huệ, thôn Tiểu Mai, xã Mai Đình, xã Xuân Cẩm.

**Abstract:** To date, no comprehensive study has been conducted on the life and career of Dang Tien Hue. Utilizing archival sources and field surveys, this article highlights his contributions to both the Le-Trinh court and Mai Thuong village. Dang Tien Hue was repeatedly rewarded by the imperial court, granted peerage titles, and appointed to the Privy Council (Vien Co Mat) in charge of the royal naval fleet. Furthermore, he played a pivotal role in the construction and restoration of numerous historical sites and spiritual places of worship in Mai Thuong village.

**Keywords:** Dang Tien Hue, Tieu Mai Village, Mai Dinh Commune, Xuan Cam Commune.

**Ngày nhận bài:** 15/1/2026; **Ngày phản biện:** 19/2/2026; **Ngày duyệt đăng:** 1/3/2026.

## 1. Đặt vấn đề

Qua các nguồn tư liệu như văn bia, hương ước, địa chí, cho biết Đặng Tiến Huệ sinh vào nửa đầu thế kỷ XVII, mất vào khoảng nửa đầu thế kỷ XVIII, từng được đảm nhiệm công việc ghi chép những lời nói, việc làm trong cung dưới triều Lê - Trịnh, sau đó từng được thăng các chức, tước như: Ty Lễ giám, Tả Thiếu giám, Trụ quốc Thượng hầu... Đặng Tiến Huệ còn được giao phụ trách đội thuyền của triều đình. Ông rất được tin tưởng nên được đặc cách xuất nhập Cẩm trung (được ra vào trong Cung cấm).

Đặng Tiến Huệ còn là người luôn dành sự quan tâm đặc biệt với quê hương - làng Mai Thượng. Thôn Mai Thượng còn gọi là làng Tiểu Mai (xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang - nay là thôn Mai Thượng, xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh). Ông đã dành nhiều tài sản tiền bạc, ruộng đất để cúng tiến và trùng tu đình. Do có công với dân làng Tiểu Mai nên Đặng Tiến Huệ được thờ làm Hậu thần của làng. Người dân kính ngưỡng gọi ông bằng cái tên thân thuộc, giản dị Quan giám.

Đến hiện nay, chưa có nghiên cứu cụ thể, chi tiết nào về nhân vật này. Bài viết sẽ làm rõ hơn công lao, hành trạng của Đặng Tiến Huệ (thế kỷ XVII). Qua bi ký cổ cho biết, ông đã có nhiều đóng góp cho quê hương. Ông đã làm quan trong một thời gian khá dài vào khoảng ít nhất nửa cuối thế kỷ XVII cho đến khoảng niên hiệu Vĩnh Khánh (1729 - 1732), chứ không phải chỉ làm quan trong thời gian niên hiệu Vĩnh Khánh (Hiệp Hòa xã chí, 1945: 435).

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Trước hết, phương pháp lịch sử được sử dụng nhằm đặt đối tượng nghiên cứu trong bối cảnh lịch sử - xã hội cụ thể để xem xét, đánh giá một cách toàn diện. Đồng thời, các sự kiện và vấn đề được đặt trong tiến trình vận động và phát triển của lịch sử, bảo đảm tính liên tục và logic của nội dung nghiên cứu.

Bên cạnh đó, phương pháp văn bản học được coi là một trong những phương pháp trọng tâm của bài viết. Các nguồn tư liệu liên quan đến nhân vật khá phong phú, gồm 16 đơn

\* TS. Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội. Email: [nguyenquanghahtl@gmail.com](mailto:nguyenquanghahtl@gmail.com)

vị thác bản của 7 tấm bia có niên đại tương đối gần thời điểm nhân vật sinh sống hoặc xuất hiện không lâu sau khi nhân vật qua đời. Trong đó, các văn bia có niên đại tuyệt đối như Chính Hòa thứ 12 (1691), Bảo Thái thứ 9 (1728), Vĩnh Khánh thứ 2 (1730) và Cảnh Hưng thứ 31 (1770), là những tư liệu gốc, có độ tin cậy cao và giữ vai trò nền tảng cho việc phục dựng lịch sử nhân vật. Đối với các tài liệu chép tay hoặc sao lục muộn như *Hiệp Hòa xã chí* (năm 1945), tộc phả, gia phả bằng tiếng Việt hiện còn lưu hành, chúng tôi chủ yếu sử dụng với tính chất tư liệu tham khảo và đối chiếu.

Ngoài ra, phương pháp điền dã và khảo sát thực địa cũng được chú trọng thông qua việc khảo sát lăng mộ, nhà thờ, các nghi lễ tế tự tại từ đường dòng họ, đình làng, cũng như lễ hội bơi chải trên sông Cầu. Đây được xem là những tư liệu phản ánh sinh động ký ức cộng đồng và đời sống văn hóa truyền thống liên quan đến nhân vật nghiên cứu.

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Khái quát về nguồn tư liệu và thân thế của Đặng Tiến Huệ

Các nguồn tư liệu được sử dụng trong bài viết là các thác bản bi kí hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam. Số thác bản này đã được Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp sưu tầm vào đầu thế kỷ XX. Có 7 tấm bia, gồm: Hậu thân bi kí (kí hiệu No: 20652) 1 thác bản; Bia *Vô đề* (kí hiệu No: 20653) 1 thác bản; *Hậu thân bi kí* (kí hiệu No: 20669) 1 thác bản và 3 bia hộp, mỗi bia 4 mặt, gồm: Bia tứ diện thứ nhất, niên đại Chính Hòa thứ 12 (1691) (kí hiệu No: 20662 - 20665); Bia tứ diện thứ 2, niên hiệu Bảo Thái thứ 9 (1728) gồm 4 mặt thác bản (kí hiệu No: 20682 - 20685); Bia tứ diện thứ 3, niên đại Vĩnh Khánh thứ 2 (1730), (kí hiệu No: 20686 - 20689). Những văn bản này có giá trị sử liệu cao, niên đại tuyệt đối, không có văn bia nào có dấu hiệu khắc lại. Bên cạnh tư liệu văn bia, chúng tôi đã

khai thác các tư liệu khác như *Hiệp Hòa xã chí* và gia phả.

Sách *Hiệp Hòa xã chí*, đề cập đến lăng mộ của Quan giám tên tự Như Tuấn. Đây là tư liệu duy nhất đề cập đến tên tự của Đặng Tiến Huệ. *Hiệp Hòa xã chí* còn viết rõ, ở làng Mai Thượng đến năm 1945 còn một Nghè bơi, Nghè này làm bằng gỗ lim quy mô 3 gian 2 chái (*Hiệp Hòa xã chí*, 1945: 435-350). Qua văn bia cho biết rõ, đây là công trình được khởi dựng bởi quan Bao Thọ hầu Đặng Tiến Huệ tự Như Tuấn xây dựng vào năm Bảo Thái thứ 9 (1728). Trong *Hiệp Hòa xã chí* cũng cho biết tên, niên đại của từng văn bia để ở đình làng, để ở lăng mộ Quan giám Đặng Tiến Huệ. Chúng tôi đã so sánh với thông tin của các văn bia do Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp sưu tầm vào đầu thế kỷ XX thì hoàn toàn trùng khớp. *Hiệp Hòa xã chí* cũng cho biết khu lăng mộ Đặng Tiến Huệ, về phong thủy lấy Gò Đống Mối (trong làng) làm chẩm, hướng nhìn ra sông Cầu.

Đây là những nguồn tư liệu sưu tầm tại địa phương do Viện Viễn Đông Bác cổ tiến hành cách ngày nay gần một thế kỷ, nay được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Vì thế, nó có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc tìm hiểu về hành trạng, sự nghiệp nhân vật lịch sử.

Hành trạng của Đặng Tiến Huệ được phản ánh trong văn bia: *Đông Tây tự sự* (Việc thờ của hai Giáp Đông và Giáp Tây), Bia hậu thân ký (Bia ký về việc thờ hậu thân) (kí hiệu No: 20662/63/64/65) viết: “Ngài Ty Lễ giám, Thái giám, Trụ Quốc Thượng hầu, họ Đặng tên là Tiến Huệ, thôn Thượng, xã Tiểu Mai, huyện Hiệp Hòa, phủ Bắc Hà. Ngài có ân đức, khuyên làm việc thiện, có đức tin tưởng, trí tuệ, cả nhà đều có truyền thống làm việc thiện, ắt sẽ được hưởng sự tốt đẹp. Cho nên, người làm việc thiện, trời tất giáng ban. Vậy đó. Quý hầu có công giúp đỡ để tránh được (tai vạ) của phương Bắc, tiếng tăm lừng lẫy đến nước Nam, chỉ

hương nuốt trâu<sup>1</sup>, lưu tên lại tiếng thơm, người chứa nhiều thao lược, được đội ơn tốt đẹp của triều đình, phụng hầu việc quan trọng trong triều. Ngài được theo hầu trong phủ Chúa Trịnh (Vương phủ), Chức Nhập nội Cẩm trung (Tức người được phép ra vào trong Phủ Chúa - TG), làm công việc ngử lục ghi chép những lời nói trong Vương phủ, ông được ưu ái như người trong gia quyến, được ban tước vị cao”.

Những chức tước của Đặng Tiến Huệ rất đáng được lưu ý. Ty Lễ giám là một Ban giúp việc quan trọng trong chốn cung đình. Ty Lễ giám như văn phòng giúp việc để kết nối giữa hoàng đế với các vị quan lớn trong triều. Ty Lễ giám thịnh hành nhất dưới thời Minh (Trung Quốc), đứng đầu Nhị thập tứ Nha môn (đứng đầu 24 cơ quan giúp việc trong triều đình). Ở Việt Nam, ban này được đề cập nhiều qua các tư liệu thời Lê Trung hưng. Đặng Tiến Huệ được ban tước Trụ quốc Thượng hầu, là một tước cao quý. Trong hàm tước, phân làm 5 bậc, tước Thượng hầu đứng dưới tước Công nhưng đứng trên tước Hầu thông thường (hàm Chánh hoặc Tòng nhất phẩm). Ông được xếp vào hàng trụ cột của quốc gia, vào bậc Công hầu. Không chỉ có vậy, Đặng Tiến Huệ còn là người được đặc biệt ưu ái, được phép xuất nhập cấm trung (ra vào trong cung như người trong hoàng tộc).

Bia ký hậu thần liên quan đến Đặng Tiến Huệ, cho biết thêm ông là người có chữ nghĩa nên được giao ghi chép những lời nói, việc làm diễn ra trong cung cấm, ở đây viết rõ là: ngử lục - 語錄. Chức Ngử lục được hiểu là những việc ghi chép trong cung vua được đệ tử hoặc thị giả thực hiện.

Đặng Tiến Huệ là người được triều đình ban cho nhiều chức sự. Văn bia *Bia hậu thần bi ký* (kí hiệu No: 20686; 20687), đề cập đến tài năng và công lao của Đặng Tiến Huệ đối với quê

hương Mai Đình. Tư liệu này cho biết, ông được phong tước Hầu (Bao Thọ hầu) và quản lý đội Thuyền của phủ chúa Trịnh. Mở đầu văn bia có đoạn: “Bao Thọ hầu, chức Tiểu đội Hữu hầu cùng chức Thị Thuyền Thị Nội giám, Tả Thiếu giám, người thôn Thượng, xã Tiểu Mai, huyện Hiệp Hòa, phủ Bắc Hà. Tiếp theo, cũng văn bia này ca ngợi tài năng cũng như đạo đức của Bao Thọ hầu được tóm tắt như sau: Đặng Tiến Huệ được đương thời ca ngợi là người hội tụ phẩm chất của một bậc quân tử theo quan niệm Nho giáo với các đức tính: nhân, nghĩa, trí, tín, sống ôn hòa, giản dị, trọng đạo lý và giàu lòng nhân hậu. Không chỉ được đánh giá cao về đạo đức, ông còn là người có tài năng và uy tín lớn trong triều đình Lê - Trịnh. Ông được trao chức Tuần sát. Văn bia cho biết, ông nhiều lần được triều đình ban thưởng, có tấm lòng kiên định, khí tiết trung trinh, vâng mệnh chỉ truyền được nhận gánh vác việc lớn trong Vương phủ, được ban chức Thiếu giám, tham gia bộ phận Cơ mật, giữ chức Thiếu giám và được giao đảm trách những công việc quan trọng trong Vương phủ. Bên cạnh đó, văn bia cũng nhấn mạnh, ông là người giàu lòng hiếu kính với tổ tiên, hòa thuận với tông tộc, gia đình và có tư tưởng hướng thiện, từ bi, chịu ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo (Hậu thần bi ký, kí hiệu No: 20686/20687).

Đặng Tiến Huệ là người sinh ra bên dòng sông Cầu, quê ông hằng năm thường diễn ra lễ hội bơi chải truyền thống. Đây cũng là một thể mạnh để ông phát huy sở trường, giỏi bơi lội, có kinh nghiệm lái thuyền. Vì thế, sau này vào triều, ông được ban chức quản lý đội thuyền của triều đình với chức Thị Nội giám, Tả Thiếu giám phụ trách Binh thuyền. Bản thân Đặng Tiến Huệ là người trung thành, có khí tiết. Thậm chí, ông được tin dùng và được sung vào Viện Cơ mật với chức Thiếu giám, từng được thánh thượng (vua/chúa) ban thưởng...

Văn bia *Bản phường đoan ước* (kí hiệu No 20682), niên đại Bảo Thái thứ 9 (1728) cho biết

<sup>1</sup> Trong bài thơ *Thuật hoài* của Phạm Ngũ Lão có câu: Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu (Ba quân tỳ hổ khí thể như nuốt trời trâu). Đây là cách nói thậm xưng để chỉ chí khí vô cùng to lớn, khác hẳn người thường.

ông được ban tước Bảo Trung bá và 2 năm sau, niên hiệu Vĩnh Khánh thứ 2 (1730), ông được ban tước Bao Thọ hầu (Vô đề, kí hiệu No: 20687). Có lẽ đây là tước cao nhất mà ông được triều đình Lê - Trịnh ban cho.

Khi đã hiển đạt ở triều đình, Đặng Tiến Huệ hướng về quê hương, cung tiến cho quê hương tiền bạc, ruộng đất hoặc xây dựng những công trình văn hóa, tâm linh. Qua 7 tấm bia (với 16 đơn vị thác bản) đã phản ánh một cách sinh động, phong phú về những đóng góp của ông đối với làng Mai Thượng.

Đặng Tiến Huệ đã cung tiến ruộng vào đình để làm nhu phí trong các lễ tuần tiết trong năm; ông đã xây dựng Nghè bơi; ông cung tiến ruộng để xây dựng từ đường họ, cung tiến cho làng để cha mẹ được thờ làm Hậu thần của ngõ,...

Tám bia hộp 4 mặt, mặt thứ nhất ghi: *Bản phường đoan ước* (kí hiệu No: 20682), mặt thứ 2: *Đặng công bi kí* (kí hiệu No: 20683), dòng đầu ghi: Bia ghi về việc thờ phụng ngài Đặng Công của phường Diệt<sup>2</sup>, thôn Thượng, xã Tiểu Mai, huyện Hiệp Hòa, phủ Bắc Hà (kí hiệu No: 20682), niên đại Bảo Thái thứ 9 (1728). Nội dung văn bia này đề cập đến công lao của ông đã trùng tu, xây dựng 3 gian 2 chái Nghè bơi bằng gỗ lim cho thôn. Khi đó, Nghè bơi đã xuống cấp, dân không có tiền để tu sửa, ông đã cung tiến 2 sào ruộng và 70 quan tiền để tu sửa. Sau dân làng suy tôn phụ mẫu của ông làm hậu thần của ngõ/xóm. Văn bia có đoạn: “Phận con người ta lấy của cải để gọi là ân huệ, mà để dương thanh danh, hiển vinh cho đáng sinh thành, về sau này là việc lớn của đức hiếu đây. Kính nghĩ, quan viên lớn nhỏ cùng với Đội Hữu hậu của thôn Thượng, xã Tiểu Mai, huyện Hiệp Hòa, phủ Bắc Hà cùng với thuyền của Đặng Lễ giám, Tả giám (Đội) Bảo Trung bá, lấy việc hiếu mãi mãi vì nước mà làm bậc trung thần, được ra vào trong cung cấm, được hưởng ân lộc

của quốc gia, ông là người tiên phong làm việc nghĩa đối với người thân (Bản phường đoan ước, kí hiệu No: 20682).

Ngoài ra, ông còn có công đứng ra trùng tu xây dựng chùa chiến, danh lam quê hương, qua tám bia *Hậu thần bi kí*, niên đại Vĩnh Khánh thứ 2 (1730), cho biết: Ông có lòng Bồ đề, cúng nhiều tiền của để xây dựng đình, chùa, chợ, quán. Văn bia cũng cho biết, ông còn dành kinh phí của mình để trang hoàng nội tự như sơn tượng cho phong cảnh trang hoàng, lồng lầy. Ngoài ra, ông cũng lấy gỗ để đóng thuyền... Không rõ, ông cho đóng thuyền là loại thuyền dành cho làng để chuyên chở hàng hóa hay thuyền dành riêng cho lễ hội bơi thuyền hằng năm (?). Văn bia không đề cập... Mỗi khi dân gặp khó khăn trong cuộc sống thì “ông lại đem của cải ra để cứu giúp mọi người”,... Do làm nhiều việc ích lợi cho dân, cho cộng đồng như thế nên dân làng trên dưới đều thống nhất bầu ông làm Hậu thần của làng: “Công đức lớn như thế này, xứng đáng được tuyên dương ở đời, hết lòng tôn kính... Nên đã mệnh cho khắc vào bia để truyền lại mãi mãi” (Hậu thần bi kí, kí hiệu No: 20686).

*Bia hậu thần kí* (kí hiệu No: 20664), cho biết cụ thể hơn về đóng góp tài sản của ông cho thôn để sau này trang trải vào việc cúng giỗ thân phụ và thân mẫu: Đặng Tiến Huệ đã cung tiến vào hai Giáp Đông và Giáp Tây 70 quan tiền và 2 mảnh ruộng ở xứ Đồng Sông, xứ Đồng Miếu (thôn Văn Tam). Đến ngày giỗ chạp cùng các tuần tiết trong năm như lễ Lên đồng, lễ Xuống đồng, lễ Hội làng (nhập tịch), lễ Kỳ phúc... lấy hoa màu của những thửa ruộng này để biện lễ...

Đến nay, chúng tôi chưa biết chính xác Đặng Tiến Huệ mất năm nào. Bia *Vô đề* (kí hiệu No: 20661), niên hiệu Cảnh Hưng thứ 31 (1770), là tám bia có niên đại muộn nhất đề cập đến ông, cũng không cho biết năm mất của ông. Dòng họ từ bao đời nay vẫn duy trì cúng giỗ ông vào ngày 6 tháng 5 (Âm lịch) hàng năm.

<sup>2</sup> Ở đây có lẽ phải ghi là Trứ phường 杼坊 (Từ Trứ 杼 có nghĩa là cái thoi dệt vải). Văn bia viết thành “trứ” 著 (nhầm từ đồng âm). Làng Tiểu Mai còn có nghề trồng dâu, nuôi tằm và nghề dệt vải cổ truyền. Nay thì hầu như không còn.

Để tỏ lòng tri ân công đức đối với ông-người có công lao lớn đối với làng xóm như Đặng Tiến Huệ, làng Mai Thượng đã có quy ước, cam kết thể hiện trong văn bia *Hậu thần bi ký* (kí hiệu No: 20661), niên đại Cảnh Hưng thứ 31 (1770), quy định hai Giáp Đông, Giáp Tây: “Thời xưa, hằng năm cứ đến ngày 3 tháng Giêng, hai mươi mảy người, phân chia mọi người đến ngõ Tân An, người ta giao cho một mâm cỗ, sau ngày các tiết tế thần, tế tự ở hậu thần, mỗi vị hậu thần một cỗ. Tế xong, hai giáp (Đông, Tây) chia nhau. Lệ hậu thần, mỗi người đem về, tùy theo [...], có thể ăn, uống chia nhau [...]. Cũng văn bia này, quy định về các giáp phải tiến hành bày biện lễ nghi theo đúng quy định: “Các lễ hậu thần, dùng ba đầu xôi, một con gà, tương ứng với một mạch tiền cổ, một vỏ rượu, một bó tiền giấy, một phong trâu cau, y như (quy ước) ghi trong bia [...]. Đặt ruộng ở hai nơi. Xứ Yên Tông có hai chỗ, tương ứng với 8 gánh lúa. Thôn căn cứ vào ba đám ruộng ở xứ Nội Triều, xứ Đồng Bền, xứ Đồng Mịch, mỗi đám ruộng ấy đều 8 gánh lúa. Lập quy ước ngày 23 tháng Giêng năm Cảnh Hưng thứ 31 (1770), thôn trưởng đến lớn bé của hai giáp Đông và Tây, cùng kí (Hậu thần bi ký, kí hiệu No: 20653).

Bia *Tế điền* (kí hiệu No: 20684)<sup>3</sup> cho biết ruộng Hậu thần bỏ ra 1 mẫu 2 sào ruộng dùng vào việc tế tự và giỗ chạp. Số ruộng này được phân bố ở 8 mảnh ruộng, trong đó có 5 mảnh đều phân bố ở Bãi Hiệu và 3 mảnh khác phân bố ở Đồng Hiệu, Đồng Miếu, Đồng Tháp. Nội dung của đoạn giao ước cụ thể nhu phí lấy ở những thửa ruộng này đã được đề cập đến trong tấm bia *Tế điền* (kí hiệu No: 20684), niên đại Bảo Thái 9 (1728). Nội dung này, lại được nhấn mạnh, tái đề cập một lần nữa ở tấm bia *Hậu thần bi ký* (kí hiệu No: 20686/20687/20688/20689), niên đại Vĩnh

Khánh thứ 2 (1730) và trên tấm bia *Hậu thần bi ký* (kí hiệu No: 20653) niên đại Cảnh Hưng 31 (1770) với từ “như cựu quy ước” (như quy ước cũ)... Riêng ruộng dành cho việc tu sửa từ đường cũng được nêu rõ trong văn bia *Hậu thần bi ký* (kí hiệu No: 20688), ghi số ruộng cúng với diện tích rất lớn: Có một ruộng 6 mẫu tại xứ Bãi Sở (Đông gần ruộng tư, Tây gần chùa Hóa Thành). Trong đó có một ruộng 2 sào (nội đồng), nếu ba gian nhà thờ bị xuống cấp, hư hỏng thì lấy để tu sửa.

Qua *Hậu thần bi ký* và các văn bia khác cho biết rất nhiều thông tin thú vị như: sở hữu ruộng đất thờ tự của một dòng họ trong đó có việc thờ cúng Đặng Tiến Huệ và những người thân trong gia đình của ông. Các văn bia soạn năm Chính Hòa thứ 12 (1691); *Đặng công bi ký*, niên đại Bảo Thái thứ 2 (1728); văn bia niên đại Vĩnh Khánh thứ 2 (1730), ghi về việc cúng tiến của Đặng Tiến Huệ với làng và việc truy tôn thân phụ, thân mẫu làm hậu thần của Ngõ; văn bia niên đại Cảnh Hưng thứ 31 (1770), quy định về các mục lễ nghi, đồ thờ tự, các loại ruộng dùng trong việc hậu thần,... cho thấy việc thờ cúng Đặng Tiến Huệ, cùng cha, mẹ của ông đã được nhân dân thôn Mai Đình duy trì thờ cúng một cách chu đáo, tôn nghiêm hàng thế kỷ.

Sau đây, chúng tôi giới thiệu toàn văn văn bia *Hậu thần bi ký*, để góp phần minh chứng cho giá trị tư liệu, cũng như những đóng góp của Đặng Tiến Huệ với triều đình Lê-Trịnh cũng như quê hương ông.

### 3.2. Văn bia *Hậu thần bi ký*

Trong số 16 đơn vị thác bản của 7 tấm bia đề cập đến nhân vật Đặng Tiến Huệ, thì văn bia *Hậu thần bi ký* có nội dung tiêu biểu nhất, cho biết thêm về thân thế và sự nghiệp của Đặng Tiến Huệ.

#### *Nguyên văn chữ Hán*

#### 後神碑記

北河府洽和縣小枚社上村驥小隊右後等  
船侍內鑒左少鑒褒壽候碑文

<sup>3</sup> Phần đầu bia cho biết, ruộng hậu thần là có 1 mẫu 2 sào. Nhưng chúng tôi thống kê trên toàn bộ thác bản bia này chỉ có khoảng 9 sào.

計:

裳謂萬年不朽無與山齊億載猶傳必惟碑誌.

眷惟:貴候羅水雝精數山鍾秀,稟天資之[足]淡凝地質之寬洪直而溫簡而庶有常九德仁而義智而信恪備五常純厚.慈律從容寬裕,道理素亮諸已表儀式示一惠干宗公起敬,起孝友于兄弟且孺且淇,在家陶肅穆之風,本國效忠貞之節,粵先聖上,寵用侍近,本司巡察之重,耀肆令聖上染軫勲勞,欽受旨傳之大任,口含天憲手握王符歷累朝近接清光,周施中矩,幾餘載參陪宓勿風夜在公職少鑒而監中咸就其緒官驥小皆載其恩聲名丕掠於神京福德益懷於冊冊慈悲為室泛船若之仁心通慧,其門收涅槃之妙果,澳所菩提之善念,擴亮舍施之仁端伽廬脩紺宇祇園不吝,出金布地,佛像造金身色相,何曾受寶惜珠濟人低溱洧之恩,許板造舟船之具,豈特施一時之惠,抑亦深後日之謀,以金錢老少均蒙,厚賜,加之田土鄉閭共此洪恩,此功此德,歇已稱揚,斯世斯民,盡加尊敬,固宜本村上下等,共諸尊為后神.因就徵文於甫,甫亦素聞,貴候賢行,因揮毫繡之,以吉若曰貴候,若斯厚德,樂聞善吉,樂行善事,既有仁心,又有仁聲,舉行動靜,事事皆善.其鄉祀千秋血食,萬代夫誰曰:不宜於是,村人同聲:稱當請以此,語刻之貞珉.候百歲後年年祭祀無缺,以報大惠焉.因命鐫之于石以壽其傳云.

#### Phiên âm

#### Hậu thần bi kí

Bắc Hà phủ, Hiệp Hòa huyện, Tiểu Mai xã, Thượng thôn, Ký tiểu đội Hữu hậu đẳng thuyền Thị nội giám, Tả Thiếu giám Bao Thọ Hầu bi văn.

Kê:

Thường vị, vạn niên bất hủ vô dũ sơn tề, ức tải do truyền tất duy bi chí.

Quyển duy, Quý Hầu La thù tinh sở sơn chung tú, lâm thiên tư chi [túc] đạm ngưng địa chất chi khoan hồng trực nhi ôn giản nhi thứ hữu thường cửu đức nhân nhi nghĩa trí nhi tín lạn bị ngũ thường thuần hậu. Tư luật tông khách khoan dụ đạo lý tổ lượng chư dĩ biểu nghi thức thị nhất huệ can Tông công khởi

kính, khởi hiếu hữu vu huynh đệ. Thả nhu thả kỳ tại gia, đào túc mục chi phong. Bản quốc hiệu trung trình chi tiết, viết Tiên thánh thượng sùng dụng đãi cận bản ty, tuần sát chi trọng diệu, luật lệnh thánh thượng nhiếp chấn huân lao khâm thụ chỉ truyền chi đại nhậm khẩu hàm thiên hiển thủ ác vương phù, lịch lũy triều cận tiếp thanh quang chu thi trung cự kỷ dư tải tham bồi mật vật phong dạ tại công chức, Thiếu giám nhi Giám Trung hàm tựu kỳ tựu kỳ tự quan ký tiểu giai đới kỳ ân, thanh danh phi lược ư thần kinh, phúc đức ích hoài ư sách khốn, từ bi vi thất, phiếm thuyền nhược chi, nhân tâm thông tuệ. Kỳ môn thu niết bàn chi diệu quả, áo sở Bồ đề chi thiện niệm, khoáng lượng xá thi chi nhân đoan, già triển tu cam vũ Kỳ Viên bát lạn, xuất kim bố địa, Phật tượng tạo kim thân sắc tướng, hà tăng thụ bảo tích Châu tế nhân đề Trần Vỹ chi ân, hứa bản tạo chu thuyền chi cụ khởi đặc thi nhất thời chi huệ, ức diệc thâm hậu chi mưu dĩ kim tiền lão thiếu quân mông, hậu tứ, gia chi điền thổ hương lư cộng cộng thử hồng ân, thử công thử đức, yết dĩ xứng dương, tư thế tư dân, tận gia tôn kính. Cổ nghi bản thôn thượng hạ đẳng, cộng chư tôn chi Hậu thần. Nhân tựu trưng văn ư phủ, phủ diệc tổ văn, Quý Hầu hiển hạnh, nhân huy mao biên chi, dĩ cát nhược viết Quý Hầu, nhược tư hậu đức, lạc văn thiện cát, lạc hành thiện sự, ký hữu nhân tâm, hựu hữu nhân thanh, cử hành động tĩnh, sự sự giai thiện. Kỳ hương tự thiên thu huyết thực, vạn đại phù thủy viết: Bất nghi ư thị, thôn nhân đồng thanh: Xứng dương thỉnh dĩ thử, ngữ khắc chi trình mãn. Hầu bách tuế hậu niệm niệm niên niên tế tự vô khuyết, dĩ báo đại huệ yên. Nhân mệnh thuyền chi vu thạch, dĩ thọ kỳ truyền văn.

#### Dịch nghĩa

#### Bia hậu thần

Văn bia của Bao Thọ hầu, chức Tiểu đội Hữu hậu cùng chức Thị Thuyền, Thị Nội giám, Tả Thiếu giám, người thôn Thượng, xã Tiểu Mai, huyện Hiệp Hòa, phủ Bắc Hà.

Kê như sau:

Thường nghe, muôn năm bất hủ, mãi cùng tồn tại lâu dài với núi sông, muôn vạn năm còn truyền, tất là phải có bia để ghi lại.

Kính nghĩ! Quý hầu là người đã chung đức khí thiêng, tinh tú của mây núi mấy sông, được thụ bẩm đầy đủ thiên tư, ngưng tụ sự rộng rãi của đất trời mà có khí tiết ôn hòa, giản dị, thường có đủ đầy chính đức nhân, nghĩa, trí, tín, cũng có đầy đủ ngũ thường, là người thuần hậu, theo luật lệ có đầy đủ đức khoan hòa tốt đẹp, đạo lý đẹp tươi, đều có đầy đủ nghi thức. Ông đã thể hiện được ơn huệ đối với tổ tông, thể hiện được lòng kính hiếu đối với tông tộc, tình cảm triu mến đối với anh em, sự nhu thuận tốt đẹp đối với gia đình. Ông thể hiện tấm lòng kiên định, trung thành với đất nước, được ân sủng hoàng đế, xứng đáng nối tiếp được các vị hiền triết xưa kia, được may mắn hầu cận, được bản Ty trao chức Tuần sát, bèn được Thánh thượng ban cho công lao rực rỡ. Ông vâng mệnh chỉ truyền được nhận gánh vác việc lớn trong Vương phủ. Trải qua mấy triều đại được buổi thịnh trị, quy củ, được dự vào bộ phận Cơ mật, được ban chức Thiếu giám, người giữ vững phẩm hạnh và được tin cậy trong nhiều năm. Mặc dù giữ chức vụ nhỏ nhưng ông là người có thanh danh ở chốn Kinh kỳ, được trân trọng rất mực, lòng thành từ bi như con thuyền trôi, lấy lòng bát nhã nhân tâm thông tuệ để làm sự kỳ diệu của chốn niết bàn.

Chỗ sâu sắc nhất của lòng thiện niệm bồ đề được mở rộng, thi hành rộng rãi. Ông là người nhân đức, xây dựng thêm chùa chiền, chợ, quán không tiếc công sức. Ông lại cúng tiền vàng, đất đai để làm tượng Phật, trang hoàng long lầy mà không tiếc. Lại đem của ra để cứu giúp mọi người, ơn dạt dào như sông Trăn, sông Vỹ<sup>4</sup>, lại lấy gỗ để tạo thuyền há

chẳng phải là việc thi hành nhất thời. Về mãi sau này có bàn đến việc thờ cúng ông để lấy tiền vàng, những người già, người trẻ đều đội ơn cao dày, lại tăng thêm ruộng đất của xóm làng. Công đức lớn như thế này, xứng đáng được tuyên dương ở đời, hết lòng tôn kính. Vì thế, nên trên dưới ở trong thôn cùng mọi người đều tôn kính ông làm Hậu thần. Đó đó mà xin bài văn bia của tôi. Tôi cũng từng nghe đến Quý hầu là bậc tài giỏi, do đó mà vung bút viết để lấy điều tốt lành. Rằng, Quý hầu là bậc đức cao dày, nghe đến những việc vui vẻ làm điều thiện, lại có nhân tâm, lại có nghe đến việc làm nhân đức ấy, hết thấy những việc động tĩnh nhất nhất đều là những việc tốt đẹp đối với hương thôn, nên được thờ tự huyết thực ngàn năm, muôn đời vẫn còn. Rằng những người trong hương thôn đồng thanh ca ngợi, nên xin lấy những lời này để khắc vào đá bền, ngõ hầu để cho hàng trăm năm sau tế tự chẳng thiếu, để báo ơn lớn vậy. Nên đã mệnh cho khắc vào bia để truyền lại mãi mãi”.

#### 4. Kết luận

Đặng Tiến Huệ là người được trọng dụng trong triều đình Lê - Trịnh khoảng thế kỷ XVII. Ông được vua Lê, chúa Trịnh sủng ái, là người có nhiều đức tính tốt đẹp, sinh thời được giao phụ trách đội Binh thuyền của triều đình. Bản thân ông còn được ban nhiều chức như: Ty Lễ giám, Tả Thiếu giám, Trụ quốc Thượng hầu, Nhập nội Cẩm trung. Với quê hương, Đặng Tiến Huệ là người có trách nhiệm và tình cảm đặc biệt. Qua các tài liệu thư tịch và văn bia cổ đã cho hậu thế biết, sinh thời, ông có nhiều công lao xây dựng, trùng tu một số công trình quan trọng của thôn Mai Thượng.

Qua việc khai thác và giới thiệu các tư liệu bi ký, trong đó có văn bia *Hậu thần bi ký*, đã cho thấy tài năng và đức độ của Đặng Tiến Huệ, là người có uy tín đối với triều đình và có tình cảm gắn bó, thấm thiết với quê hương, dòng tộc. Cũng thông qua việc khai thác các nguồn tư liệu này, bài viết hy vọng sẽ bổ sung thêm thông tin về Đặng Tiến Huệ cũng như triều đình Lê-Trịnh thời kỳ ông sinh sống.

<sup>4</sup> Sông Trăn (Trăn thủy) và sông Vỹ (Vỹ thủy) là hai con sông nổi tiếng của tỉnh Hà Nam (Trung Quốc). Cụm từ này thường được đề cập trong văn học cổ của Trung Quốc cũng như ở Việt Nam với hàm ý đề cao ngợi công đức, câu chuyện về lòng nhân ái.

### Tài liệu tham khảo

- Bắc Giang tỉnh, Hiệp Hòa huyện, Mai Đình tổng các xã địa bạ, ký hiệu: AG. A10/9 (38 trang, niên đại Gia Long năm thứ 4 (1805)), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Bắc Giang tỉnh, Hiệp Hòa huyện thần sắc (1938), ký hiệu: AD.a14/4, lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Bắc Giang tỉnh, Hiệp Hòa huyện, Mai Đình tổng thần tích-thần sắc: ký hiệu: TTTS 4071-TT-TS; FQ4, 18/V, 65; 11 trang, lưu tại Thư viện Viện Thông tin khoa học xã hội.
- Hiệp Hòa xã chí (1945), bản viết tay, ký hiệu: AJ/17.1, 445 trang, lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Bản Phường đoan ước 本坊端約 (kí hiệu No: 20682), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Bia Hậu thần kí 碑后神記 (kí hiệu No: 20664), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Đặng Công bi ký 鄧公碑記 (kí hiệu No: 20683), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Đông Tây tự sự 東西祀事 (kí hiệu No: 20662), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Hậu thần bi kí 后神碑記 (kí hiệu No: 20669), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Hậu thần bi kí 後神碑記 (kí hiệu No: 20686), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Hậu thần bi kí 後神碑記 (kí hiệu No: 20653), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Phụng sự 奉事 (kí hiệu No: 20685), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Tế điền 祭田 (kí hiệu No: 20684), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Vô đề 無提 (kí hiệu No: 20663), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Vô đề 無提 (kí hiệu No: 20665), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Vô đề 無提 (kí hiệu No: 20687), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Vô đề 無提 (kí hiệu No: 20688), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Vô đề 無提 (kí hiệu No: 20689), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Vô đề 無提 (kí hiệu No: 20661), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- Vô đề 無提 (kí hiệu No: 20653), lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.